

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 6 - 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng và ông Lê Mạnh Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Lưỡng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ hiện nay: Thôn Ng, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội, có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1969, có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 10 tháng 9 năm 2010. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh Q được khoảng 05 năm thì anh chị ra ở

riêng. Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q nghiện ma túy, chị và gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng anh Q không nghe và không cai nghiện được dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô sát, hiện anh Q đang bị tạm giam về hành vi bắt giữ người trái pháp luật. Chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về quan hệ nuôi con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 02/7/2012 và cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 03/02/2014, hiện các cháu đang ở với bố mẹ đẻ anh Q là ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Ng. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời điểm kết hôn như chị Th trình bày là đúng. Anh xác định vợ chồng thỉnh thoảng có cãi cọ nhau nhưng từ thời gian nào anh không nhớ, anh chị sống ly thân nhau từ tháng 7/2017 đến nay, hiện anh đang bị tạm giam về hành vi bắt giữ người trái pháp luật. Anh xác định tình cảm vẫn còn nên không đồng ý ly hôn chị Th.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh xác định như chị Th trình bày là đúng. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho bố mẹ anh tiếp tục nuôi dưỡng con chung của anh chị trong thời gian anh cải tạo, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Ông bà xác định về thời điểm kết hôn, con chung như chị Th, anh Q trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo ông bà nguyên nhân mâu thuẫn của chị Th, anh Q do chị Th có quan hệ ngoại tình dẫn đến không quan tâm đến gia đình, chị Th bỏ nhà đi từ tháng 4/2017 đến nay; chị Th có 03 lần nộp đơn và làm thủ tục ly hôn anh Q tại Tòa án nhưng sau đó chị Th lại rút đơn. Nay chị Th yêu cầu ly hôn anh Q, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung của chị Th và anh Q hiện hai cháu đang ở với ông bà do chị Th không có trách nhiệm với các con nên ông bà đề nghị Tòa án giao cho anh Q và ông bà tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q; anh Q có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Q đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc nên không có mặt tại phiên tòa được nhưng anh Q đã có bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh Q nghiện ma túy, chị Th có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng không quan tâm hay có trách nhiệm với nhau, Tòa án đã nhiều lần thụ lý đơn xin ly hôn của chị Th, sau đó chị Th lại rút đơn nhưng tình cảm vợ chồng của anh chị vẫn không được cải thiện. Anh Q không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị Th vẫn kiên quyết xin ly hôn. Chứng tỏ, hôn nhân của chị Th và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th ly hôn anh Q là phù hợp.

[3]. Về quan hệ nuôi con chung: Chị Th, anh Q xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 02/7/2012 và cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 03/02/2014, hiện hai cháu đang ở với ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Ng (ông bà nội của các cháu). Ly hôn, chị Th, anh Q, ông B và bà Ng yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, yêu cầu của chị Th, anh Q, ông B và bà Ng là hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc nuôi dưỡng con chung là quyền và nghĩa vụ của bố mẹ, do anh Q đang bị tạm giam nên cần giao cho chị Th trực tiếp nuôi cháu V và cháu A, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Q
2. Giao cho chị Nguyễn Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 02/7/2012 và cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 03/02/2014. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.
3. Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0003030 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, chị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã M, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thị Thu

